TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 638/2024/DS-PT
Ngày 26-12-2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Trúc.

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Thị Thanh Tuyền.

Bà Đinh Thị Mộng Tuyết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hoài Thu – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 549/2024/TLPT-DS ngày 06 tháng 11 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 487/2024/QĐPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 569/2024/QĐ-PT ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*:

1. Ông Bùi Huy N, sinh năm 1991;

2. Bà Bùi Thị D, sinh năm 1992;

Ông N và bà D cùng địa chỉ: tổ H, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Tô Thị T, sinh năm 1998 và bà Phạm Thị Hải D1, sinh năm 1981; địa chỉ: số E, đường Đ (ngã ba C), khu phố Đ, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 17/11/2023). Bà Tô Thị T có mặt, bà Phạm Thị Hải D1 có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn*:

1. Ông Đoàn Văn T1, sinh năm 1991; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn ông Đoàn Văn T1: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1985; địa chỉ: số E, tổ A, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 21/5/2024). Có mặt.

2. Bà Lê Thị Ngọc Y, sinh năm 1996; địa chỉ: ấp C, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Lê Thị Ngọc Y: Ông Trần Hoàng N1, sinh năm 1983; địa chỉ: số B, đường P, Phường F, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 21/5/2024). Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Công ty Cổ phần M; địa chỉ trụ sở chính: số D, đường P, Phường E, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Công ty Cổ phần M nợ Công Danh: Ông Phạm Văn H, chức vụ: Giám đốc Công ty, là người đại diện theo pháp luật. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lê Thị Ngọc Y, ông Đoàn Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 20/10/2022, bà Bùi Thị D, ông Bùi Huy N cho vợ chồng ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y vay số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) để làm vốn kinh doanh, không tính lãi suất (0%), thời hạn hoàn trả vốn vay là 12 tháng tính từ ngày 20/10/2022, hình thức trả tiền vay theo quý (03 tháng/lần), chia thành 4 quý/12 tháng. Hai bên lập hợp đồng vay tiền và ký xác nhận vào Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022.

Trong quá trình vay, bà Y, ông T1 vi phạm thỏa thuận hoàn vốn theo quý nên ngày 20/3/2023, bà D và ông N đã ký hợp đồng mua bán nợ với Công ty Cổ phần M (viết tắt là Công ty M) do ông Phạm Văn H – Giám đốc Công ty làm đại diện để Công ty M đôn đốc bà Y, ông T1 trả nợ. Đồng thời, bà D, ông N thông báo cho bà Y, ông T1 biết để thanh toán nợ cho Công ty M.

Từ ngày 20/3/2023 đến ngày 26/8/2023, bà Y chuyển khoản từ số tài khoản 0121000854076 tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần N2 (V) đến số tài khoản 060160733635 của chủ tài khoản Phạm Văn H tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (S1) số tiền 528.000.000 đồng (năm trăm hai mươi tám triệu đồng); số tiền vay còn lại 1.172.000.000 đồng, ông T1, bà Y không thanh toán cho Công ty M.

Ngày 14/11/2023, giữa Công ty M và bà D, ông N đã thanh lý hợp đồng mua bán nợ, trao trả quyền đòi nợ 1.172.000.000 đồng của khách hàng ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y lại cho bà Bùi Thị D và ông Bùi Huy N.

Do đó, bà D, ông N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn bà Lê Thị Ngọc Y, ông Đoàn Văn T1 trả nợ gốc còn lại 1.172.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng, trong 02 tháng chậm trả tính từ ngày hết hạn trả nợ ngày 20/10/2023 đến ngày khởi kiện tại Tòa án là ngày 20/12/2023 là 19.455.000 đồng, tổng cộng gốc và lãi: 1.191.455.200 đồng (một tỷ một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Bị đơn và người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày:

Ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y không vay tiền mặt của bà Bùi Thị D và ông Bùi Huy N như các nguyên đơn đã khởi kiện. Thực tế ông N, bà D là chủ doanh nghiệp hoạt động kinh doanh ngành gỗ, đăng ký kinh doanh Công ty G. Năm 2022, ông N, bà D làm ăn thua lỗ nên thỏa thuận bán lại Công ty G cho vợ chồng bà Y, ông T1 với giá 1.700.000.000 đồng vào ngày 10/10/2022. Sau khi thỏa thuận mua bán công ty, bà D đã xin giấy phép thay đổi tên công ty thành "Công ty G1" do ông Đoàn Văn T1 và bà Lê Thị Ngọc Y làm chủ doanh nghiệp. Ngày 20/10/2022, vợ chồng bà Y, ông T1 có ký tên xác nhận vào văn bản "Hợp đồng vay tiền" với bà D, ông N có nội dung "Vợ chồng bà Y, ông T1 có vay mượn của bà D, ông N số tiền 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng), lãi suất 0%, thời hạn hoàn trả vốn vay là 12 tháng tính từ ngày 20/10/2022 đến ngày 20/10/2023, nếu khó khăn sẽ được gia hạn thêm 03 tháng tức đến ngày 20/01/2024". Ông N, bà D không giao tiền mặt do thực tế đây là số tiền mua bán công ty được hợp thức hóa thành vay tiền. Chưa hết thời hạn thanh toán thì bà D, ông N đã tự ý bán nợ cho Công ty M từ ngày 20/3/2022 không hỏi ý kiến của bà Y, ông T1. Do nhiều lần bị đe dọa phải trả nợ nên bà Y, ông T1 đã chuyển khoản nhiều lần từ tháng 5/2023 đến tháng 9/2023 cho Công ty M số tiền hơn 700.000.000 đồng. Hiện các bị đơn bà Lê Thị Ngọc Y, ông Đoàn Văn T1 xác định chỉ còn nợ tiền gốc của các nguyên đơn bà Bùi Thị D, ông Bùi Huy N khoảng 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần mua bán nợ Công Danh trình bày:

Ngày 20/3/2023, giữa Công ty Cổ phần M (viết tắt là Công ty M) và ông Bùi Huy N, bà Bùi Thị D đã ký Hợp đồng mua, bán nợ số 20/03/2023/CD-BHN. Nội dung hợp đồng, ông N, bà D (Bên B) đồng ý bán cho Công ty M (Bên A) đối với khách nợ là vợ chồng ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y, tổng khoản nợ là 1.700.000.000 đồng (một tỷ bảy trăm triệu đồng) theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022.

Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty M đã nhiều lần đôn đốc khách hàng thanh toán khoản nợ của bà D, ông N cho Công ty M. Tính đến ngày 14/11/2023, ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y chuyển khoản trả nợ qua ngân

hàng với tổng số tiền thanh toán được là 528.000.000 đồng (kèm bản sao kê chuyển khoản của Ngân hàng S1 của Phòng G2 - Chi nhánh T3); số tiền nợ còn lại 1.172.000.000 đồng, ông T1, bà Y không tiếp tục thanh toán nên ngày 14/11/2023, Công ty M và ông Bùi Huy N, bà Bùi Thị D đã ký Hợp đồng thanh lý hợp đồng mua, bán nợ số 20/03/2023/CD-BHN. Kể từ ngày thanh lý hợp đồng, Công ty M không còn trách nhiệm đối với khoản nợ do khách hàng Đoàn Văn T1, Lê Thị Ngọc Y chưa thanh toán là 1.172.000.000 đồng, giao lại quyền đòi khoản nợ nói trên cho ông N, bà D. Hiện nay, Công ty M không còn liên quan đến khoản nợ 1.172.000.000 đồng do bà D, ông N khởi kiện tại Tòa án đối với bà Y, ông T1.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Huy N, bà Bùi Thị D đối với bị đơn ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.2. Buộc ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Bùi Huy N, bà Bùi Thị D số tiền 1.191.455.200 đồng (một tỷ một trăm chín mươi mốt triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng). Trong đó tiền gốc là 1.172.000.000 đồng (một tỷ một trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn) và tiền lãi suất chậm trả là 19.455.200 đồng (mười chín triệu bốn trăm năm mươi lăm nghìn hai trăm đồng).

Kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm (06/9/2024) cho đến khi thi hành án xong, ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y còn phải chịu trách nhiệm thanh toán lãi suất đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y phải liên đới nộp 47.744.000 đồng (bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

- Hoàn trả cho ông Bùi Huy N, bà Bùi Thị D số tiền tạm ứng án phí trước đây là 23.872.000 đồng (hai mươi ba triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003994 ngày 05/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Ngoài ra, bản án còn tuyên quyền kháng cáo, trách nhiệm thi hành án.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 20/9/2024 bị đơn bà Lê Thị Ngọc Y và ông Đoàn Văn T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày: nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bị đơn cho rằng hợp đồng vay tiền là hợp đồng giả cách cho hợp đồng mua bán công ty nhưng bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh. Bị đơn thừa nhận ký kết Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022. Hợp đồng vay tiền không có nội dung đề cập đến việc ký kết hợp đồng vay để thực hiện việc mua bán công ty. Hợp đồng vay ghi các bên không bị lừa dối, ép buộc, ký trên tinh thần tự nguyện. Bị đơn thừa nhận ký hợp đồng vay tiền nhưng cho rằng không vay tiền là không phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm xác định có giao dịch vay tiền và buộc bị đơn trả tiền vay là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 20/9/2024, bị đơn bà Lê Thị Ngọc Y và ông Đoàn Văn T1 có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm là kháng cáo trong hạn luật định, đúng quy định tại Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự nên đủ điều kiện để thụ lý và xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa, bà Phạm Thị Hải D1 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về kháng cáo của bị đơn nhận thấy:

[2.1] Nguyên đơn và bị đơn đều thống nhất có việc ký kết, nội dung và hình thức của Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022 (bút lục 4-6). Theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022, nguyên đơn cho rằng nguyên đơn đã cho bị đơn vay số tiền 1.700.000.000 đồng, không có lãi, thời hạn vay 12 tháng. Tuy bị đơn thừa nhận việc ký kết Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022 nhưng bị đơn cho rằng không vay tiền của nguyên đơn mà thực tế là chuyển nhượng Công ty gỗ Ngọc D2 do vợ chồng nguyên đơn làm chủ cho bị đơn với giá 1.700.000.000 đồng nhưng không ký kết hợp đồng mua bán công ty mà ký kết với hình thức

Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022. Tuy nhiên, bị đơn không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày này của bị đơn. Bị đơn không chứng minh được việc ký kết Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022 là trái pháp luật, bị lừa dối hay bị ép buộc cho nên Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022 có giá trị pháp lý ràng buộc quyền, nghĩa vụ của các bên. Do đó, có căn cứ xác định Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022 được xác lập giữa ông Bùi Huy N, bà Bùi Thị D và ông Đoàn Văn T1, bà Lê Thị Ngọc Y là hợp đồng vay tài sản, có thời hạn, không lãi suất theo quy định tại Điều 463, Điều 470 Bộ luật Dân sự.

[2.2] Nguyên đơn trình bày hình thức trả tiền vay theo quý (03 tháng/lần), chia thành 4 quý/12 tháng. Tuy nhiên, theo Hợp đồng vay tiền ngày 20/10/2022 ghi nhận thời hạn vay là 12 tháng, phương thức thanh toán do hai bên tự thỏa thuận mà không có điều, khoản nào xác định hình thức trả tiền theo quý như nguyên đơn trình bày. Như vậy, thời điểm bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ là ngày 21/10/2023.

[2.3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không thừa nhận vay tiền của nguyên đơn nhưng thừa nhận nợ nguyên đơn số tiền 1.700.000.000 đồng, đã trả cho nguyên đơn thông qua Công ty Cổ phần mua bán nợ Công Danh số tiền 700.000.000 đồng, chỉ còn nợ lại nguyên đơn số tiền 1.000.000.000 đồng. Xét thấy, theo Sổ phụ tài khoản tiền gửi không kỳ hạn chủ tài khoản là ông Phạm Văn H (là Giám đốc của Công ty Cổ phần M) từ ngày 10/4/2023 đến ngày 30/8/2023 thể hiện bà Y và ông T1 đã chuyển cho vào tài khoản của ông H số tiền 465.000.000 đồng (bút lục 61-67). Quá trình giải quyết vụ án, ông Phạm Văn H cho rằng bà Y, ông T1 đã trả được tổng số tiền là 528.000.000 đồng. Bà Y, ông T1 cho rằng đã trả được 700.000.000 đồng nhưng không có chứng cứ chứng minh đã trả số tiền chênh lệch 172.000.000 đồng cho ông Phạm Văn H hay bà D, ông N. Như vậy, có căn cứ xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.172.000.000 đồng. Sau khi hết thời hạn vay, bị đơn không thanh toán đầy đủ tiền vay cho nguyên đơn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ vay theo Điều 466 Bộ luật Dân sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền vay gốc còn nợ là 1.172.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 21/10/2023 đến ngày 21/12/2023 là 19.455.200 đồng (1.172.000.000 đồng x 0,83% x 02 tháng) theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp. Đối với hợp đồng mua bán công ty giữa nguyên đơn và bị đơn, trong vụ án này không xem xét do không có tranh chấp, nếu có tranh chấp thì các bên có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[2.4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử nhận thấy bị đơn không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của bị đơn là có căn cứ nên kháng cáo không được chấp nhận. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là phù hợp.

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo phải chịu theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị Ngọc Y và ông Đoàn Văn T1.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 42/2024/DS-ST ngày 06 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bình Dương.

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Lê Thị Ngọc Y và ông Đoàn Văn T1, mỗi người phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003774 ngày 26/9/2024 và Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003775 ngày 26/9/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bình Dương.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS huyện B;
- TAND huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Thanh Trúc